UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ
***

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

MỘT SỐ KINH NGHIỆM DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT HỌC SINH QUA BÀI "CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH" MÔN SINH HỌC 9.

Lĩnh vực/ Môn: ***SINH HỌC***

Cấp**: TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Tên tác giả: **NGUYỄN THỊ NGA; Chức vụ: Giáo viên.**

Đồng tác giả: NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG; Chức vụ: Hiệu trưởng.

Đơn vị công tác: **TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ –**
TP GIA NGHĨA – TỈNH ĐĂK NÔNG

Năm học 2022 – 2023

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

MỘT SỐ KINH NGHIỆM DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT HỌC SINH QUA BÀI "CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH" MÔN SINH HỌC 9

Lĩnh vực/ Môn: ***SINH HỌC***

Cấp**: TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Tên tác giả: **NGUYỄN THỊ NGA; Chức vụ: Giáo viên.**

Đồng tác giả: NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG; Chức vụ: Hiệu trưởng.

Đơn vị công tác: **TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ –**

TP GIA NGHĨA – TỈNH ĐĂK NÔNG

Năm học 2022 - 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
I. MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài: 1
2. Mục đích nghiên cứu: 1
3. Đối tượng nghiên cứu: 2
4. Phương pháp nghiên cứu: 3
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu: 3
II. NỘI DUNG 4
1. Cơ sở lí luận 4
1.1 Giải thích một số khái niệm: 4
1.2 Các văn bản chỉ đạo: 4
1.3 Hoạt động tìm tòi, vận dụng kiến thức giúp phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. 5
2. Thực trạng của vấn đề (Cơ sở thực tiễn) 5
2.1 Thuận lợi - khó khăn: 5
2.2 Phân tích các vấn đề về thực trạng: 6
2.3 Nguyên nhân: 8
3. Các giải pháp thực hiện dạy học phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh: 8
3.1 Một số kinh nghiệm tổ chức hoạt động dạy học phát triển năng lực 9
3.2 Giải pháp cụ thể qua bài "Cơ chế xác định giới tính" 11
3.3 Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm 20
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 22
1. Kết luận: 22
2. Kiến nghị: 22
V. PHỤ LỤC 25

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- GV: Giáo viên
- HS: Học sinh
- KG: Kiểu gen
- KH: Kiểu hình
- HĐ: Hoạt động
- HĐN: Hoạt động nhóm
- H: Hình
- VD: Ví dụ
- NST: Nhiễm sắc thể
- SGK: Sách giáo khoa
- THCS: Trung học cơ sở
- THPT: Trung học phổ thông

I. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài:

Bác Hồ đã từng dạy:

"Đường đời là bậc thang không nấc chót
Thì việc học hành là quyển sách không trang cuối cùng"

Vâng! Với tôi đó là tâm huyết, là động lực khi tôi chọn nghề giáo là hành trang vào đời của mình, vì nghề giáo sẽ giúp tôi có điều kiện học hỏi nhiều hơn và cũng sẽ giúp cho tôi hướng dẫn bao lớp trẻ biết tìm tòi, say mê việc học.

Quá trình dạy học là một quá trình phức tạp, có sự tác động đa chiều. Việc học không đơn thuần là học ở trường mà học ở nhiều nơi như học ở sách vở, học ở lẫn nhau...N.Gupxcai A đã nói: "*Không những phải học ở sách mà còn phải học ở cuộc sống nữa*". Trong thời đại 4.0 này, đa số giáo viên đều có tinh thần tự đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, nhằm đảm bảo chất lượng dạy học, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong thực tiễn để giải quyết những tình huống của cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông mới.

Qua quá trình dạy học ở trường trung học cơ sở (THCS) Trần Phú, chúng tôi nhận thấy hướng dẫn học sinh thông qua việc tự tìm hiểu thế giới xung quanh cuộc sống của các em là điều cần thiết, giúp các em tự phát triển năng lực, khám phá năng lực phát triển của mình, đồng thời giúp các em sẵn sàng thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, vận dụng việc học vào cuộc sống. Trong những năm dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, cũng như dự giờ góp ý của đồng nghiệp trong nhà trường cũng như khi sinh hoạt tổ chuyên môn cùng trường bạn, chúng tôi thấy các bài sinh học 9 được các em hưởng ứng nhiệt tình, học tập sôi nổi, đạt kết quả tốt, nhất là với những bài liên quan đến chính cuộc sống của các em như "Cơ chế xác định giới tính", hoặc "Di truyền học với con người" hay là "Bệnh tật di truyền".... Chính vì vậy chúng tôi ghi lại một số kinh nghiệm **"Dạy học hiệu quả theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh qua bài "Cơ chế xác định giới tính", môn Sinh học 9**" để chia sẻ với đồng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đổi mới trong dạy học sinh học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh (HS).

2. Mục đích nghiên cứu:

2.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc tổ chức các hoạt động dạy học trong bài "Cơ chế xác định giới tính" nói riêng, tiết sinh học nói chung làm

cơ sở cho các giải pháp đổi mới thực hiện các hoạt động trong dạy học phát triển năng lực, để phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong lĩnh hội kiến thức của học sinh.

2.2. Đề xuất các giải pháp đổi mới trong tổ chức hoạt động dạy học kiến thức ở môn sinh học trong trường THCS nhằm nâng cao hiệu quả dạy học theo hướng tích cực và hình thành năng lực cho học sinh.

2.3. Với bài "Cơ chế xác định giới tính", việc tích hợp các môn Hóa học, Vật lí, Địa lí, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Toán học...sẽ giúp các em hiểu được mối liên hệ giữa ô nhiễm môi trường với cơ chế xác định giới tính ở người, hiểu được những tác động tiêu cực trong đời sống sinh hoạt. Thông qua những trải nghiệm thực tế, các em phát triển được các năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực vận dụng kiến thức, năng lực quan sát xử lí và trình bày các số liệu, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. năng lực đưa ra các tiên đoán, nhận định…. phát triển các phẩm chất: yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, trung thực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, tự rút ra được những bài học kinh nghiệm cho bản thân nhằm mang lại hứng thú, kích thích các em tích cực, chủ động trong việc lĩnh hội kiến thức.

3. Đối tượng nghiên cứu:

3.1 Đối tượng nghiên cứu:

3.1.1. Nghiên cứu các phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên để thực hiện dạy học hiệu quả phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Các năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác

- Các năng lực chuyên biệt: năng lực sử dụng ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên, công nghệ thông tin, đưa ra các tiên đoán, nhận định ...

3.1.2. Nghiên cứu thực tiễn về sự hứng thú, tích cực của học sinh trong hoạt động học, các em phát hiện, sử dụng kiến thức vào tình huống cụ thể, qua đó phát triển các năng lực và phẩm chất học sinh, phù hợp với yêu cầu hiện nay.

3.1.3. Đề xuất một số giải pháp đổi mới trong hoạt động dạy học, để phát huy tính tích cực của học sinh, tạo tâm lí sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập một cách chủ động và sáng tạo.

3.2 Đối tượng tác động: Học sinh lớp 9.

4. Phương pháp nghiên cứu:

4.1. Nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các văn bản quy định, hướng dẫn về phương pháp dạy học đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.

4.2. Nghiên cứu thực tiễn: Dùng phiếu điều tra, khảo sát, so sánh, phân tích thực trạng.

4.3. Phương pháp thực nghiệm: triển khai các giải pháp của sáng kiến kinh nghiệm trong bài "Cơ chế xác định giới tính" trên nhóm thực nghiệm.

4.4. Phương pháp bổ trợ: Thống kê toán học, xử lí số liệu....

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu:

5.1. Giới hạn về thời gian: Sáng kiến kinh nghiệm được vận dụng trong các năm học từ 2020 -2021 đến nay, qua thời gian, kinh nghiệm dần được tích lũy và hoàn thiện trong năm học 2022 -2023.

5.2. Giới hạn phạm vi nghiên cứu: Trong phạm vi đề tài, nội dung nghiên cứu dừng lại ở giải pháp, kĩ thuật dạy học của môn sinh học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua một bài học cụ thể của tiết sinh học ở khối lớp 9. Cụ thể:

- Các phương pháp đặc thù bộ môn
- Dạy học tích hợp liên môn
- Một số phương pháp dạy học tích cực như: Phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai, phương pháp nghiên cứu tình huống....

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở lí luận

1.1 Giải thích một số khái niệm:

- Học sinh: là "người theo học ở trường", được hiểu là những thiếu nhi hoặc thiếu niên trong độ tuổi đi học, học tại các trường tiểu học, THCS, trung học phổ thông (THPT) (từ 6 đến 18 tuổi).

- Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hành động nào đó. Năng lực là phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao. (Từ điển Tiếng Việt).

Trong định hướng chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015 đã đã xác định được năng lực cốt lõi mà học sinh Việt Nam cần phải có như:

- Năng lực làm chủ và phát triển bản thân bao gồm: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực quản lý bản thân….
- Năng lực xã hội bao gồm: năng lực giao tiếp. năng lực hợp tác.
- Năng lực công cụ bao gồm: năng lực tính toán, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin.

Như vậy có thể hiểu một cách ngắn gọn, năng lực là khả năng vận dụng tất cả các yếu tố chủ quan mà bản thân có sẵn được hình thành qua học tập để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

- Dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh: là mô hình dạy học hướng tới mục tiêu phát triển tối đa phẩm chất và năng lực của người học thông qua cách thức tổ chức các hoạt động học tập độc lập, tích cực, sáng tạo của học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ hợp lý của giáo viên.

1.2 Các văn bản chỉ đạo:

- Luật giáo dục 2005 điều 28.2 nêu rõ "phương pháp dạy học phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh".

- Ngày 8/10/2014 Bộ giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) có công văn số 5555/BGD&ĐT- GDTrH về việc hướng dẫn và cụ thể hóa những yêu cầu trong đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh là "hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh".

- Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh: "...áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử và giá trị sống, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, giáo dục văn hóa giao thông; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn".

Ngoài ra, giáo viên cần phải bám sát vào các văn bản chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học cho bản thân.

1.3 Hoạt động tìm tòi, vận dụng kiến thức giúp phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

Trước thực trạng đổi mới căn bản, toàn diện của ngành Giáo dục đòi hỏi học sinh không chỉ được trang bị kiến thức mà còn phải bồi dưỡng cho học sinh tính năng động, óc tư duy sáng tạo và thực hành giỏi, tức là đào tạo những con người không chỉ biết mà còn phải có năng lực hành động. Bởi vậy, việc cung cấp kiến thức rèn luyện kỹ năng nhằm phát triển năng lực, vận dụng kiến thức sinh học vào thực tiễn là thực sự cần thiết, tạo tiền đề vững chắc cho học sinh, giúp học sinh tự tin hơn khi bước vào cuộc sống.

Qua nhiều năm giảng dạy, dự giờ đồng nghiệp, chúng tôi nhận ra rằng: học sinh sẽ thấy hứng thú và dễ dàng ghi nhớ bài tốt hơn nếu trong qúa trình dạy học, giáo viên luôn có định hướng giúp các em liên hệ thực tế, tự tìm tòi, mở rộng kiến thức, giữa kiến thức sách giáo khoa với thực tiễn cuộc sống hàng ngày, với các hiện tượng tự nhiên xung quanh. Nhiều câu hỏi được đặt ra "vì sao lại thế" hay "tại vì sao lại thế", "sao không là thế này mà lại là thế kia"…Chính hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức đã giúp các em thốt lên: "À, thì ra là thế" tự mình các em đã lĩnh hội được nhiều kiến thức.

2. Thực trạng của vấn đề (Cơ sở thực tiễn)

2.1 Thuận lợi - khó khăn:

2.1.1 Thuận lợi:

Trường THCS Trần Phú là đơn vị đóng trên địa bàn phường Nghĩa Thành, là nơi trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế của thành phố nói riêng, tỉnh nhà nói chung. Dân cư sống tập trung, trình độ dân trí của người dân tương đối cao, có nhiều thuận lợi cho công tác giảng dạy.

Trường được công nhận chuẩn Quốc gia năm học 2014-2015 và có quyết định chuẩn mức độ 2 trong năm học 2022-2023. Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, của Phòng Giáo dục,…Ban giám hiệu qua mấy lần thay đổi hiệu trưởng, hiệu phó nhưng vẫn rất quan tâm, luôn động viên tinh thần cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để giáo viên thực hiện nhiệm vụ, đầu tư cho công tác giảng dạy. Hầu hết các giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, nhà gần trường, điều kiện đi lại thuận tiện cho việc giảng dạy tốt hơn.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường tương đối khá tốt, mạng internet, máy chiếu, tivi, màn ảnh rộng được nhà trường phối hợp với phụ huynh học sinh trang bị đầy đủ ở các lớp, các phòng bộ môn,… nên giáo viên và học sinh chủ động hơn trong quá trình dạy và học.

Về phía học sinh: Các em học sinh đa số chăm ngoan, cần cù, chịu khó được tiếp cận với thông tin rất nhanh, trong quá trình học tập, hăng say phát biểu xây dựng, đóng góp ý kiến tạo nên sự thành công của bài giảng. Có ý thức vươn lên trong học tập, từng bước yêu thích các môn học kể cả bộ môn sinh học. Kết quả nhiều năm liền trường THCS Trần Phú luôn là đơn vị dẫn đầu về chất lượng học sinh, đặc biệt là học sinh giỏi các cấp.

2.1.2 Khó khăn:

- Đời sống kinh tế của một bộ phận nhỏ trong gia đình học sinh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần. Một số ít học sinh không có bất kì một tài liệu học tập nào ngoài sách giáo khoa.

- Vẫn còn đâu đó một số bậc phụ huynh không quan tâm đến việc học của con em mình. Có phụ huynh và học sinh cho rằng môn sinh học là môn phụ, một số em thiếu sự quan tâm của bố mẹ vì nhiều lí do của hoàn cảnh gia đình khác nhau nên các em còn ham chơi, sa đà vào game, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục.

2.2 Phân tích các vấn đề về thực trạng:

Trường THCS Trần Phú là trường trung tâm, điều kiện thuận lợi cho việc đi lại cũng như học hành. Từ khi trường chuyên được thành lập, các em có nguyện vọng thi chuyên nên tập trung ôn và chú tâm nhiều hơn đến những môn mà trường chuyên mở lớp. Đặc biệt với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trong môn sinh học, đòi hỏi giáo viên phải tích cực và nhiệt tình hơn trong công tác soạn giảng, đầu tư nhiều hơn cho thiết kế bài dạy nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh. Đồng thời

thiết kế bài giảng phù hợp với đặc thù phương pháp mới nhưng lại dạy trên sách cũ (sinh học 9), giúp học sinh dành nhiều thời gian trên lớp để thực nghiệm, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ các kết quả học tập của mình. Bên cạnh đó các em còn được trải nghiệm thực tế bằng cách quan sát mẫu vật thật, quan sát trên mô hình, tìm tòi, khám phá và rèn luyện các kỹ năng phù hợp với các hoạt động dạy học theo chủ đề. Để làm được điều đó, đòi hỏi giáo viên phải thật tâm huyết, yêu nghề, mến trẻ, có kỹ năng sư phạm, có sự đầu tư cao cũng như biết cách quan sát và nhìn nhận đúng năng lực học sinh.

Để tìm hiểu về việc vận dụng phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh của giáo viên trong nhà trường, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 3 giáo viên dạy môn sinh học, cụ thể như sau:

Bảng 1: Bảng khảo sát dạy học phát triển năng lực của GV môn Sinh học trong nhà trường (Phụ lục 1)

Đối với bộ môn Sinh học ở 2 lớp 9B và 9D, chúng tôi cũng cho làm bài tập khảo sát chất lượng đầu năm, kết quả ở bảng 2.

Bảng 2: Bảng khảo sát kết quả học tập môn Sinh học đầu năm của 2 lớp 9B và 9D (Đề kiểm tra ở phụ lục 2)

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập môn Sinh đầu năm				Ghi chú
			Giỏi	Khá	TB	Yếu	
1	**9B**	45	4	21	18	2	
2	**9D**	43	6	17	19	1	

Sau đó chúng tôi tiến hành khảo sát mức độ hứng thú tìm tòi học tập môn Sinh học của 2 lớp 9B và 9D đầu năm học 2022-2023.

Bảng 3: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9B đầu năm học 2022-2023 (Phụ lục 3).

Bảng 4: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9D đầu năm học 2022-2023 (Phụ lục 4).

* Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy:

- Về phía giáo viên: Đa số giáo viên bộ môn có thực hiện dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chủ yếu trong hình thức là dẫn dắt học sinh (chiếm 66,7%), khâu tổ chức thành hoạt động còn ít (chiếm 33,3%), trọng tâm xác định người thực hiện dạy học phát triển năng lực và phẩm chất năng lực là học sinh chiếm 66,7%, vai trò của giáo viên trong việc dạy học phát triển năng lực còn thấp, dẫn đến mức độ thu hút học sinh chưa cao (thu hút ở mức

độ cao chỉ chiếm 33,3%), bản thân học sinh chưa được tham gia vào hoạt động cụ thể, chỉ một số ít em chăm chỉ tiến hành, còn đa số "ăn theo" bạn, do vậy mà dễ dẫn đến sự nhàm chán, chưa đáp ứng được nhu cầu tìm tòi, khám phá của học sinh, từ đó chưa phát huy hết năng lực phát triển cũng như sức sáng tạo của các em, chưa kích thích được nhu cầu tự tìm hiểu, khám phá và tự chiếm lĩnh kiến thức mới một cách tích cực.

- Về phía học sinh:

+ Năng lực học tập của hai lớp 9B và 9D gần như là tương đương nhau, trong đó số lượng học sinh khá giỏi môn sinh học ở lớp 9B có phần tốt hơn.

+ Mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của 2 lớp gần như là như nhau. Đầu năm qua kiểm tra, hầu hết các em thụ động, lười học bài và lười làm bài tập trước khi đến lớp (mỗi lớp chỉ có 6 đến 7 em có học bài và chuẩn bị bài trước khi đến lớp), còn lại đa số thỉnh thoảng các em mới thực hiện, thậm chí có em không học bài luôn. Các em chưa chủ động tìm hiểu kiến thức để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động học tập (chiếm tỉ lệ từ 55,5 đến 67,4%). Đặc biệt tìm hiểu về hứng thú khi học môn sinh thì không hứng thú với bộ môn học này chiếm tỉ lệ từ 26,7 đến 32,6%.

2.3 Nguyên nhân:

- Dạy học phát triển năng lực của học sinh được nói đến nhiều trong mấy năm gần đây, nhưng lại chưa có sách giáo khoa mới, chương trình sách giáo khoa cũ lại dài, kiến thức trừu tượng, giáo viên còn nhiều lúng túng trong việc xây dựng phân phối chương trình cũng như cách thiết kế bài dạy, sự bố trí thời gian trong tiết học chưa phù hợp, tâm lí giáo viên còn nặng về truyền thụ kiến thức, giáo viên chưa chủ động trong việc học hỏi, tiếp thu kiến thức, chưa vận dụng đa dạng các kĩ năng dạy học tích cực.

- Một số giáo viên còn hạn chế về tin học nên e ngại trong việc đổi mới phương pháp dạy học và thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực học sinh.

- Vẫn có học sinh còn lơ là việc học, nhiều em có tâm lí học lệch, chỉ chú trọng đến toán học, vật lí, hóa học, tiếng anh,… nên khả năng tư duy tập trung chưa cao, chưa chủ động dành thời gian tìm hiểu, khai thác kiến thức mà còn nặng về việc ghi chép nội dung bài học….

3. Các giải pháp thực hiện dạy học phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh:

Từ năm học 2016 - 2017 và năm học 2017 - 2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra các văn bản hướng dẫn triển khai về đổi mới phương pháp dạy học theo

hướng phát triển năng lực học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Nông cũng đã mở các lớp tập huấn hướng dẫn giáo viên về tăng cường đổi mới phương pháp dạy học. Trường THCS Trần Phú sau khi tập huấn về cũng đã triển khai áp dụng phương pháp dạy học mới này.

Thực hiện yêu cầu của ngành, từ năm học 2017 - 2018 chúng tôi đã tiến hành đổi mới việc dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Song song với việc đổi mới phương pháp trong từng hoạt động để hình thành kiến thức thì trong quá trình dạy, chúng tôi lại quan tâm nhiều đến phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, góp phần định hướng và tạo điều kiện cho học sinh tích cực, chủ động trong việc khai thác, khám phá kiến thức trong từng hoạt động để hình thành kiến thức mới.

Để thực hiện dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh đạt hiệu quả, khi thiết kế bài học, giáo viên cần chú ý đến cách xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá chuỗi các hoạt động theo định hướng phát triển năng lực học sinh là rất cần thiết.

3.1 Một số kinh nghiệm tổ chức hoạt động dạy học phát triển năng lực

3.1.1 Chia nhóm học tập:

Trong dạy học định hướng phát triển năng lực học sinh, việc chia nhóm học tập là cần thiết. Việc chia nhóm phải đảm bảo cho các em học tập được thuận lợi, chỗ ngồi của nhóm thuận tiện cho việc trao đổi, thảo luận để cùng nhau xây dựng bài học dưới sự điều khiển của giáo viên. Khi chia nhóm, giáo viên cần tránh chọn số lượng nhóm quá lớn làm cản trở sự trao đổi và điều khiển của nhóm trưởng cũng như các thành viên trong nhóm, dẫn đến một số em bị bỏ rơi hoặc không có cơ hội trình bày ý kiến của mình khi thảo luận. Nhóm có thể từ 2 (cặp đôi) đến 4 em, tốt nhất là 4 em để đảm bảo các em dễ hợp tác với nhau, luân phiên thành viên trong nhóm báo cáo kết quả hoạt động nhóm một cách linh hoạt, phù hợp trong các hoạt động của từng nội dung bài học, làm như vậy em nào cũng phải cố gắng vươn lên mà không phải lơ là. Sau này các em tự tin để bước vào đời.

3.1.2 Hướng dẫn ghi vở và hoạt động nhóm:

Vở ghi của học sinh là tài liệu quan trọng, hỗ trợ cho học sinh trong quá trình học tập. Việc ghi chép phải khoa học, rõ ràng thiết thực trong quá trình học tập. Vở ghi giúp học sinh tái hiện lại những kiến thức, kĩ năng và kết quả học tập của mình. Do vậy giáo viên cần quan sát, theo dõi rèn cho các em thói quen ghi vở, các hoạt động ghi chép này phải hoàn toàn chủ động, sáng tạo tránh việc ghi

chép máy móc. Để làm được điều này, giáo viên cần lưu ý học sinh ghi chép những bước cơ bản sau đây:

- Ghi chép hoạt động mà thầy cô giáo chuyển giao vào vở.

- Ghi ý kiến cá nhân về hoạt động mà thầy cô vừa giao (HS phải suy nghĩ độc lập về nhiệm vụ học tập cũng như suy nghĩ cá nhân cách giải quyết vấn đề theo ý kiến chủ quan của mình, dù ý kiến đó là đúng hay sai).

- Ghi chép ý kiến thảo luận nhóm vào vở, từ đó phân tích, so sánh các ý kiến để đưa ra ý kiến chung của nhóm trong việc giải quyết nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình học sinh hoạt động nhóm, giáo viên tránh nói to, đi lại nhiều làm mất tập trung hoạt động của nhóm, giáo viên nên chọn vị trí thích hợp, quan sát hoạt động của các nhóm và từng em, phát hiện kịp thời học sinh giơ tay cần hỗ trợ hoặc thông báo.

3.1.3 Giao nhiệm vụ:

Trong quá trình lên lớp, giáo viên cần chủ động kết thúc và giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh. Thông thường ít nhất 3 đến 5 phút trước khi kết thúc tiết dạy, giáo viên cần cho các em dừng việc học tập ở trên lớp lại, có thể lúc đó công việc trên lớp vẫn còn dang dở.

- Đối với nhóm hoạt động còn dang dở: GV cho các em tiếp tục về nhà nghiên cứu, gợi ý các em thực hiện ở nhà và vận dụng vào thực tiễn, đồng thời yêu cầu các em báo cáo kết quả thực hiện ở nhà thông qua các sản phẩm học tập.

- Đối với nhóm hoạt động xong: GV cần giao nhiệm vụ cho các em tiếp tục vận dụng vào thực tiễn, đề xuất các phương án khác đã có trong bài học.

- Khi giao bài tập về nhà, giáo viên nên lựa chọn những tình huống nhiệm vụ học tập bổ ích liên quan đến thực tiễn, đòi hỏi các em phải hợp tác để tìm tòi, khám phá tránh những câu hỏi, bài tập có tính chất học thuộc lòng, máy móc.

3.1.4 Qui định chung về phương pháp học tập bộ môn sinh học tại lớp:

- Với mục tiêu tất cả học sinh đều tham gia và thực hiện hoạt học tập thì giáo viên bộ môn cần có qui định chung. Qui định này được xây dựng và thống nhất với học sinh ngay từ đầu năm học, mỗi học sinh cần chủ động hoàn thành nội dung được giao, sau đó tiến hành trao đổi nhóm, thống nhất nội dung chung của cả nhóm.

- Đầu năm học, giáo viên cũng nên chia nhóm học tập và qui định nhóm, phân công nhóm trưởng, thư kí. Nhóm trưởng chỉ đạo hoạt động chung, thư kí ghi chép lại nội dung hoạt động của nhóm.

3.1.5 Phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh:

Tùy theo trình độ của học sinh hoặc tùy theo từng nội dung bài học, giáo viên áp dụng phương pháp cho phù hợp. Ví dụ: những lớp chỉ có học sinh khá giỏi, ít học sinh trung bình thì giáo viên giao các nhóm soạn từng nội dung rồi trình bày. Những lớp số lượng học sinh trung bình và yếu nhiều thì nội dung chính của bài học giáo viên phải trình bày, các em chỉ tham gia trình bày những phần nhỏ theo sự hướng dẫn của giáo viên. Hoặc những bài học có tính thực tiễn nhiều thì giáo viên nên tạo điều kiện cho học sinh tự tìm tòi, nghiên cứu và trình bày để các em thấy rằng Sinh học rất gần gũi với cuộc sống chúng ta.

3.2 Giải pháp cụ thể qua bài "Cơ chế xác định giới tính"

Tuần: 06	Lớp 9B
Tiết: 12	Ngày soạn: 07/10/2022

Bài 12: CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính.

- Giải thích được cơ chế xác định NST giới tính và tỉ lệ đực: cái ở mỗi loài là 1:1

- Hiểu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

- Giải thích được cơ chế sinh con trai, gái ở người.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- *Năng lực tự lực và tự chủ:* Tự lực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập; hoạt động cá nhân: tự tìm hiểu nghiên cứu các kiến thức về cơ chế xác định giới tính, vấn đề sinh con trai, con gái, hiện tượng mất cân bằng giới tính ở người.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Làm việc cặp đôi, hoạt động nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- *Năng lực giải quyết vấn đề:* Giải quyết các vấn đề đặt ra trong các hoạt động học tập và trong cuộc sống: Sự hình thành giới tính ở người và sinh vật.
- *Năng lực sử dụng ngôn ngữ:* mô tả trên hình cơ chế xác định giới tính ở người.
- *Vận dụng kiến thức:* Liên hệ kiến thức với vấn đề thực tế sự hình thành giới tính ở người, sự mất cân bằng giới tính.

2.2. Năng lực KHTN:

- *Năng lực nhận thức, tìm hiểu khoa học tự nhiên:*

+ HS hiểu được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính.

+ Quan sát: sơ đồ cơ chế xác định giới tính ⟶Tính toán: tìm tỉ lệ KG và KH.

+ Xử lí và trình bày các số liệu: viết sơ đồ và giải thích được cơ chế xác định giới tính sinh con trai, con gái ở người. Tỉ lệ giới tính nam: nữ là 1:1.

+ Hiểu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. Đưa ra các tiên đoán, nhận định: tỉ lệ giới tính ở người và vấn đề dân số.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng:*

+ Kỹ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng hoạt động nhóm, tư duy lí luận, so sánh, trình bày suy nghĩ, ý tưởng hợp tác trong hoạt động nhóm, tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.

+ Kỹ năng vận dụng những kiến thức ở các môn học.

+ Phê phán những tư tưởng trọng nam khinh nữ.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* Tích cực đọc sách, tài liệu, tham gia hoạt động nhóm hiệu quả
- *Trách nhiệm:* Có tinh thần trách nhiệm khi được GV, nhóm giao nhiệm vụ.
- *Trung thực:* Trung thực trong báo cáo kết quả học tập.

4. Các nội dung tích hợp - trải nghiệm:

- *Giáo dục đạo đức*: Tôn trọng ông bà, cha mẹ, yêu thương anh em, ...
- *Giáo dục nhận thức giới tính* cho HS (Mục II).
- *Giáo dục kĩ năng sống:* Kĩ năng thu thập, xử lí thông tin, phê phán, trình bày…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK. Phiếu học tập (Bài tập trắc nghiệm) ***(Phụ lục 5)***
- Tranh Hình 8.2/SGK trang 24;
- Tranh Hình 12.1/SGK trang 24, Hình 12.2/SGK trang 38-39.
- Bảng sơ đồ về cơ chế NST xác định giới tính.
- Bài dạy PowerPoint.

2. Chuẩn bị của học sinh: - Vở ghi, SGK, bảng phụ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay... kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: GV tiến hành 1 cuộc khảo sát nhỏ với câu hỏi: Gia đình các em thích sinh con trai hay con gái hơn? Vì sao?

c) Sản phẩm: Bản liệt kê ý thích của các gia đình thông qua câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS trả lời quan điểm của gia đình, của cá nhân HS về việc ý thích sinh con trai, con gái.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS trả lời câu hỏi theo quan điểm cá nhân học sinh hoặc nhìn nhận từ phía gia đình học sinh (hoạt động theo nhóm, đại diện nhóm tổng hợp các ý kiến - liệt kê).

- Bước 3: Báo cáo kết quả học tập: GV mời đại diện các nhóm báo cáo.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: GV đánh giá HĐ của các nhóm. Đồng thời chốt một số kiến thức về quan điểm sinh con trai, con gái:

+ Trường hợp tỉ lệ sinh con trai nhiều hơn => trọng nam khinh nữ => nhiều tác hại.

+ Trường hợp tỉ lệ sinh con trai bằng hoặc ít hơn tỉ lệ sinh con gái => tư tưởng tiến bộ, tuy nhiên ở 1 số vùng khác vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ => tác hại.

*** Đặt vấn đề:** Trong dân gian chúng ta thấy có một số người phụ nữ sinh con một bề. Trong cuộc sống họ gặp rất nhiều lời phiền toái (nhất là sinh toàn con gái). Vậy theo các em có phải lỗi là ở người mẹ không? Tại sao? Để trả lời câu hỏi này chúng ta nghiên cứu bài 12: **CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH.**

HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nhiễm sắc thể giới tính

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó đối với sự xác định giới tính.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh H8.2 trang 24, H12.1 trang 38 HĐ cá nhân, HĐN hoàn thành yêu cầu học tập.

c) Sản phẩm: **Nhiễm sắc thể giới tính:**

- Hình 8.1:

Giống nhau	Khác nhau
- Đều có 8 NST - Có 3 cặp NST giống nhau: 1 cặp hình hạt, 2 cặp hình chữ V.	- Con đực: 1 chiếc hình que, 1 chiếc hình móc. - Con cái: 1 cặp hình que.

- Hình 12.1:

- Trong các tế bào lưỡng bội (2n): NST giới tính ở người là cặp NST số 23.

+ Có các cặp NST thường.

+ 1 cặp NST giới tính, kí hiệu: XX (tương đồng/ nữ) và XY (không tương đồng/ nam).

- NST giới tính mang gen quy định tính đực, cái và tính trạng liên quan tới giới tính.

+ Ở người và động vật có vú, ruồi giấm .... XX ở giống cái, XY ở giống đực.

+ Ở chim, ếch nhái, bò sát, bướm.... XX ở giống đực, còn XY ở giống cái.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

+ GV chiếu hình 8.2 bộ NST ruồi giấm, yêu cầu HS quan sát trả lời câu hỏi:

** Nêu điểm giống và khác nhau ở bộ NST của ruồi đực và ruồi cái?*

+ GV chiếu hình 12.1 yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

** Quan sát hình 12.1, cho biết cặp NST nào là cặp NST giới tính?*

** So sánh bộ NST ở nam giới và nữ giới?*

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Cá nhân quan sát hình 8.2 và hình 12.1 trả lời câu hỏi.

+ Thảo luận cặp đôi và đưa ra câu trả lời chung.

- Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

+ Đại diện 1 - 2 cặp đôi báo cáo về điểm giống nhau và khác nhau giữa ruồi giấm đực và ruồi giấm cái.

+ Đại diện 1 - 2 cặp đôi khác báo cáo về NST giới tính ở người, so sánh bộ NST nam giới và nữ giới.

+ Các HS khác lắng nghe, thảo luận về vấn đề các nhóm đã báo cáo.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ GV tổ chức các cặp đôi đánh giá về 3 câu hỏi trong nhiệm vụ học tập.

+ GV nhận xét, đánh giá hoạt động của cá nhân HS và các căp đôi. Phân tích các khái niệm đồng giao tử, dị giao tử và sự thay đổi tỉ lệ nam, nữ theo lứa tuổi.

+ Kết luận về nhiễm sắc thể giới tính (sản phẩm: Hình 12.1…).

Chuyển ý sang mục II: Có bao giờ bạn tự hỏi: Tại sao tôi không là con trai mà lại là con gái hoặc tại sao tôi không là con giá mà lại là con trai? Vậy cơ chế nào xác định giới tính ở sinh vật?

Hoạt động 2.2: Cơ chế nhiễm sắc thể xác định giới tính

a) Mục tiêu: Giúp học sinh giải thích được cơ chế xác định NST giới tính và tỷ lệ đực/cái của mỗi loài sinh vật liên hệ thực tế việc sinh con trai / con gái.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh 12.2 SGK trang 39, cá nhân học sinh đọc thông tin SGK trang 38, 39, HĐN trả lời câu hỏi phần chuyển giao nhiệm vụ học tập.

c) Sản phẩm:

- Đa số các loài, giới tính được xác định trong thụ tinh.

- Sự phân li của cặp NST giới tính trong quá trình phát sinh giao tử và tổ hợp lại trong thụ tinh là cơ chế xác định giới tính của sinh vật.

- VD: Cơ chế xác định giới tính ở người.

P: 44A+XX x 44A+ XY

GP: 22A +X; (22A + X; 22A + Y)

HT: 44A+XX ; 44A+ XY

(1 Con gái) **:** (1 Con trai)

- Tỉ lệ nam: nữ xấp xỉ 1:1 do số lượng giao tử (tinh trùng mang X) và giao tử (mang tinh trùng Y) tương đương nhau, quá trình thụ tinh của 2 loại giao tử này với trứng X sẽ tạo ra 2 loại tổ hợp XX và XY ngang nhau.

- Điều kiện đảm bảo tỉ lệ đực cái là:

+ Số lượng nghiên cứu phải đủ lớn.

+ Không bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh.

+ Trứng và tinh trùng thụ tinh hoàn toàn ngẫu nhiên.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

GV giới thiệu ví dụ cơ chế xác định giới tính ở người

* Yêu cầu quan sát H 12.2 thảo luận:

+ Những hoạt động nào của NST giới tính trong giảm phân và thụ tinh dẫn tới sự hình thành giới tính đời con?

+ Có mấy loại trứng và tinh trùng được tạo ra qua giảm phân?

+ Sự thụ tinh giữa trứng và tinh trùng nào tạo ra hợp tử phát triển thành con trai hay con gái? Vì sao tỉ lệ con trai và con gái sinh ra ~ 1 : 1? Tỉ lệ này đúng trong điều kiện nào?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ HS quan sát kĩ hình 12.2, thảo luận thống nhất ý kiến.Đưa ra câu trả lời chung.

- Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

+ GV gọi một HS lên trình bày trên tranh cơ chế NST xác định giới tính ở người

+ Đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm còn lại thảo luận, nhận xét về các vấn đề mà nhóm báo cáo.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Các nhóm đánh giá, nhận xét về hoạt động học tập của nhóm bạn và tự đánh giá hoạt động của nhóm mình về việc thực hiện trả lời câu hỏi.

+ GV đánh giá các hoạt động thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm học tập của HS.

+ GV kết luận về cơ chế NST xác định giới tính ở người và khẳng định điều kiện nghiệm đúng.

Chuyển ý sang mục III: Liệu có cách nào để biến đổi con gái thành con trai hoặc con trai thành con gái hay không?

Hoạt động 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính

a) Mục tiêu: Nêu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

b) Nội dung: HS đọc thông tin SGK trang 40 trả lời câu hỏi về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính, ý nghĩa của sự phân hóa giới tính trong sản xuất.

c) Sản phẩm: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

- Môi trường ngoài: Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng...

- Môi trường trong: Rối loạn nội tiết hoocmon sinh dục sẽ làm biến đổi giới tính, tuy nhiên cặp NST giới tính không đổi. VD:

* Dùng Metyl testostêrôn tác động vào cá vàng cái => cá vàng đực.

* Tác động vào trứng cá rô phi mới nở dẫn tới 90% phát triển thành cá rô phi đực (cho nhiều thịt).

+ Ý nghĩa: Giúp con người chủ động điều chỉnh tỉ lệ đực, cái phù hợp với mục đích sản xuất.

* Hiểu biết về cơ chế xác định giới tính ở người, giúp con người phát hiện nguyên nhân và cơ chế phát sinh một số bệnh di truyền có liên quan đến cặp NST giới tính: Hội chứng Tơcnơ (2n=45); Hội chứng XXX (2n=47), Hội chứng XXY (2n=47)...

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS đọc thông tin Mục III SGK (trang 40), kết hợp với kiến thức thực tế trả lời câu hỏi:

+ Nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính? Cho ví dụ.

+ Tại sao người ta lại điều chỉnh tỉ lệ đực, cái ở vật nuôi?

+ Sự hiểu biết về cơ chế xác định giới tính và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính có ý nghĩa gì trong sản xuất?

Sử dụng KT khăn trải bàn.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ HS hoạt động cá nhân: ghi ý kiến vào góc riêng/phiếu cá nhân.

+ Thảo luận nhóm thống nhất ý kiến ⟶ GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ.

- Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Rút ra kết luận về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Dán kết quả hoạt động của các nhóm lên bảng, cho HS nhận xét.

+ GV nhận xét hoạt động của các nhóm.

+ Kết luận về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. Đưa ra một số ví dụ.

HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội được.

b) Nội dung: Trò chơi **t**rả lời các câu hỏi về cơ chế xác định giới tính

c) Sản phẩm: Đáp án các câu trả lời: câu 1. A; câu 2: C; câu 3: B; 4: D.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi luyện tập, phát phiếu học tập.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: GV tổ chức cho HS tự chấm chéo bài của các nhóm.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: GV thông báo đáp án. HS tự chấm điểm, báo cáo kết quả tự chấm điểm.

HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng các kiến thức vừa học giải quyết các

vấn đề học tập vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung: Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm:

1. Sự khác nhau giữa nhiễm sắc thể thường và nhiễm sắc thể giới tính.

Nhiễm sắc thể thường	Nhiễm sắc thể giới tính
- Trong tế bào lưỡng bội thường tồn tại với số cặp lớn hơn 1. - Luôn luôn tồn tại thành từng cặp tương đồng. - Chỉ mang gen quy định tính trạng thường của cơ thể.	- Trong tế bào lưỡng bội thường tồn tại 1 cặp. - Tồn tại thành từng cặp tương đồng (XX) hoặc không tương ddoognf (XY). - Chủ yếu mang gen quy định giới tính của cơ thể.

2. Quan niệm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay con gái: Sai, vì mẹ giảm phân chỉ cho 1 loại trứng mang NST giới tính X; bố giảm phân cho 2 loại tinh trùng, 1 tinh trùng mang NST giới tính X, 1 tinh trùng mang NST giới tính Y. Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các tinh trùng của bố với trứng của mẹ, tạo ra con trai hay con gái, nên sinh con trai hay con gái là do người bố.

3. Một số nghiên cứu trước đây về giới tính ở người:

Lứa tuổi	Bào thai	Sơ sinh	01-05 tuổi	05-14 tuổi	18 tuổi	55-80 tuổi
Nam	114	105	102	101	100	55
Nữ	100	100	100	100	100	100

- Thực tế hiện nay tỉ lệ bé trai: bé gái ở Việt Nam khoảng 112,1 trai /100 gái (2020). Đây là tình trạng mất cân bằng giới tính.

- Tỉ lệ nam/ nữ có ảnh hưởng tới mức độ tăng, giảm dân số, phân công lao động, chính sách kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia => phát triển dân số hợp lí bằng cách sinh đẻ có kế hoạch.

- Môi trường sống cũng ảnh hưởng rất lớn đến tỉ lệ phân hóa giới tính: Nhiệt độ, ánh sáng, chế độ ăn uống, tư tưởng....

- Giáo dục đạo đức:

+ Qua cơ chế NST xác định giới tính: giáo dục nhận thức giới tính cho học sinh, tôn trọng bản thân và các bạn khác giới.

+ Sống có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, hạn chế quan niệm trọng nam khinh nữ.

d) Tổ chức thực hiện: GV sử dụng phương pháp vấn đáp, tổ chức cho học sinh tìm hiểu các kiến thức liên quan.

- **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**: GV chia lớp thành nhiều nhóm cặp đôi và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau:

1/ Hoàn thành bảng sau: Sự khác nhau giữa NST giới tính và NST thường?

NST giới tính	NST thường
- ...	- ...

2/ Quan niệm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay con gái đúng hay sai?

3/ Nêu một số nghiên cứu về giới tính ở người, liên hệ thực tiễn cuộc sống?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS suy nghĩ, tự trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**: HS trả lời câu hỏi, câu hỏi 3 có thể về nhà tìm hiểu thêm.

- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV kết luận về sự khác nhau giữa NST thường và NST giới tính. Qua đó chỉ ra một số quan niệm sai lầm và đồng thời giáo dục đạo đức học sinh.

HOẠT ĐỘNG 5: HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG KIẾN THỨC

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tìm tòi, mở rộng thêm những kiến thức mới liên quan đến nội dung bài học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

b) Nội dung: Ôn bài cũ, tìm hiểu một số thông tin về giới tính và các quan niệm…

c) Sản phẩm: HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn, tự trả lời được các câu hỏi trong thực tế cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV sử dụng phương pháp giao bài về nhà, học sinh tự tìm tòi, mở rộng các kiến thức liên quan. Cụ thể giao nhiệm vụ:

1. Đọc mục "Em có biết" SGK trang 41.

2. Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK trang 41.

- Làm bài tập 4 SGK trang 41 vào vở.

- Hoàn thành nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy.

3. Chuẩn bị tiết học tiếp theo:

- Ôn lại kiến thức bài 4,5 "Lai hai cặp tính trạng": Khái niệm, giải thích kết quả thí nghiệm. Viết sơ đồ lai từ P đến F_1.(P: Vàng - Trơn (AaBb) x Xanh - Nhăn (aabb).

- Tìm hiểu và soạn các yêu cầu của bài: "Di truyền liên kết".

- Xác định các chú thích bài 13.

- Tìm hiểu kĩ các thông tin của hình 13 SGK/42.

3. 3 Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm

Kết quả chung sau khi áp dụng phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của học sinh vào giảng dạy môn Sinh học:

3.3.1 Kết quả khảo sát ở học sinh:

Cuối học kì 1, chúng tôi tiến hành khảo sát lại mức độ hứng thú khi học tập bộ môn sinh học cũng như mức độ học tập môn Sinh học của học sinh. Kết quả có phần khả quan hơn, các em chủ động và hứng thú hơn trong việc tìm tòi, khám phá cũng như yêu thích môn học. Cụ thể

Bảng 5: Bảng khảo sát kết quả học tập môn Sinh học cuối học kì 1 của 2 lớp 9B và 9D.

STT	*Lớp*	*Sĩ số*	*Kết quả học tập môn Sinh cuối HKI*			*Ghi chú*
			Giỏi	*Khá*	*TB*	
1	**9B**	45	7	30	8	
2	**9D**	43	7	21	15	

Bảng 6: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9B cuối học kì 1 học 2022-2023 (Phụ lục 6).

Bảng 7: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9D cuối học kì 1 học 2022-2023 (Phụ lục 7).

Qua bảng khảo sát ta thấy: cả hai lớp 9B và 9D đều có sự thay đổi tiến bộ về nhận thức, yêu thích môn học, tuy nhiên 9B có sự thay đổi vượt bậc hơn.

- Tinh thần thái độ học tập của học sinh được nâng lên rõ rệt, phát huy được tính tích cực chủ động, sáng tạo, các em vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vào trong thực tiễn, các em được hoạt động, được giao công việc rất cụ thể, được tranh luận đưa ra ý kiến của mình và đi đến thống nhất chung về kiến thức, khắc phục được lối học truyền thống, ghi nhớ máy móc, truyền thụ một chiều.

- Khả năng trình bày một vấn đề của các em được hoàn thiện hơn, các em chủ động chiếm lĩnh kiến thức. Kĩ năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm tốt hơn.

- Kết quả xếp loại môn Sinh học cuối học kì 1 của lớp 9B cũng khá tốt, tăng khá giỏi từ 25 em từ đầu năm lên 37 em ở cuối học kì 1 và giảm hẳn số lượng học sinh yếu.

3.3.2. Đối với bản thân và đồng nghiệp qua việc áp dụng sáng kiến này:

- Chất lượng giảng dạy và giáo dục của bản thân, đồng nghiệp và của các giáo viên khác trong nhà trường THCS Trần Phú được nâng lên đáng kể. Việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh được đánh giá cao, được nhiều giáo viên áp dụng.

- Nội dung, ý tưởng của sáng kiến kinh nghiệm được đồng nghiệp đánh giá cao không chỉ ở trường THCS Trần Phú mà qua các buổi sinh hoạt chuyên môn do phòng Giáo dục tổ chức, hoặc qua trao đổi với trường bạn ở các huyện thì với cách làm và phương pháp dạy học như thế, mang lại hiệu quả khá cao.

3.3.3 Nhận xét chung

Sau khi áp dụng một số phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh vào các tiết dạy, chúng tôi thấy đã đạt được kết quả khả quan:

- Để tiết học mang lại hiệu quả cao, phát huy tính tích cực và sáng tạo của học sinh, giúp các em chủ động lĩnh hội kiến thức thì việc đổi mới phương pháp của người giáo viên đứng lớp có vai trò quan trọng hàng đầu.

- Giúp học sinh có được những hiểu biết cơ bản về môi trường sống xung quanh cũng như tác động của nó đối với cuộc sống của con người. Đồng thời giúp các em hiểu được những ảnh hưởng của những hoạt động của con người lên môi trường sống. Từ đó, học sinh ý thức được hoạt động bảo vệ bản thân.

- Xây dựng cho học sinh những kĩ năng quan sát, thu nhập thông tin và phân tích thông tin, dần hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Giúp các em chủ động trong cuộc sống: phát triển kĩ năng nghiên cứu thực tế và kĩ năng tư duy để giải thích các hiện tượng thực tiễn.

- Giúp các em nâng cao hứng thú học tập, phát triển sự đánh giá thẩm mỹ, biết nuôi dưỡng nhận thức các quan niệm đúng đắn về các hiện tượng trong tự nhiên và cuộc sống, giải thích được các hiện tượng tự nhiên, học sinh sẽ yêu thích môn sinh học hơn.

- Thông qua các bài tập về các hiện tượng tự nhiên làm cho học sinh thấy các quá trình sinh - hóa luôn xảy ra trong quanh ta. Vấn đề về môi trường hiện nay đang trở thành vấn đề cấp bách và mang tính toàn cầu. Môn sinh học có nhiệm vụ và có nhiều khả năng giáo dục cho học sinh ý thức bảo vệ môi trường. Thông qua đó, rèn luyện văn hóa lao động: lao động có tổ chức, có kế hoạch, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ nơi làm việc và nơi cư trú.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Trong quá trình giảng dạy, với vai trò là giáo viên giảng dạy bộ môn sinh học và cán bộ quản lí, chúng tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình. Qua quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chúng tôi nhận thấy:

- Học sinh không còn coi nhẹ môn sinh học 9 nói riêng cũng như môn sinh học THCS nói chung, chúng tôi đã cảm thấy rất vui khi được học trò yêu mến, đồng nghiệp tin tưởng và đó là cũng một thành công nhất định trong sự nghiệp giảng dạy của chúng tôi.

- Phát triển năng lực và phẩm chất học sinh trong dạy học với mục đích phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập. Hoạt động này vừa đảm bảo xây dựng phương pháp học tập tích cực theo hướng liên môn, vừa cho các em thấy rõ mối liên hệ giữa các môn học từ đó hỗ trợ được các em trong quá trình xây dựng phương pháp học tập mới, nâng cao chất lượng dạy và học tại nhà trường.

- Tất nhiên khi tiến dạy học phát triển năng lực học sinh cũng cần phải tính đến một số đặc điểm nhất định như: Sở trường của giáo viên, đặc điểm của đối tượng học sinh, thời gian của một tiết học… vì vậy, sự sinh động của bộ môn phụ thuộc nhiều vào sự linh động và sáng tạo của giáo viên, điều này đòi hỏi người giáo viên cần phải có sự am hiểu nhất định về kiến thức cuộc sống, phải có sự đầu tư vào từng tiết dạy, tạo tình huống kích thích tính tích cực đối với người học…

- Sáng kiến này có thể áp dụng được cho tất cả các trường THCS.

2. Kiến nghị:

- Đối với cấp lãnh đạo:

Các trường THCS rất cần các cấp lãnh đạo quan tâm đầu tư nhiều về cơ sở vật chất: như trang thiết bị máy tính, máy chiếu hoặc nhà đa năng để phục vụ tốt hơn nữa, đảm bảo cho chất lượng dạy và học.

Nhà trường cần bổ sung thêm sách tham khảo ở thư viện cho giáo viên tham khảo thêm để mở rộng kiến thức.

- Đối với giáo viên:

Giáo viên cần linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học cho phù hợp với năng lực nhận thức của học sinh; không ngừng tự học, tự bồi dưỡng năng lực tin học và ứng dụng công nghệ thông tin.

Giáo viên bộ môn phối kết hợp với giáo viên chủ nhiệm phản hồi kịp thời thông tin học tập của học sinh ở bộ môn mình phụ trách để từ đó kịp thời động

viên, khuyến khích các em góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Khai thác các tài nguyên giáo dục trên Internet một cách hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch dạy học cho từng chuyên đề, từng nội dung kiến thức theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, phải mang tính hợp lí và hài hòa.

- Đối với học sinh:

Cần có sổ ghi chép những thông tin hay, những công thức hoặc một số phương pháp giải bài tập. Khi học trên lớp cần có vở nháp đóng cuốn để tiện cho việc nháp bài tập hoặc vẽ sơ đồ tư duy trước khi ghi vào vở học tránh tẩy xóa trên vở học vừa khó nhìn vừa không khoa học.

Tích cực tham gia các hoạt động học tập, biết tìm tòi, sáng tạo, chủ động trong mọi hoạt động do giáo viên tổ chức trong tiết học hay giao nhiệm vụ về nhà.

Có tinh thần học hỏi, lòng đam mê khám phá để vận dụng kiến thức, đặc biệt là kiến thức môn sinh học để giải thích các hiện tượng tự nhiên vào thực tiễn cuộc sống.

Trên đây là những kinh nghiệm nhỏ mà chúng tôi đã đúc rút cũng như vận dụng, kết quả đưa lại tương đối khả quan trên những trường mà chúng tôi đã giảng dạy, trên những học sinh chúng tôi đã trải qua. Đề tài là sự học hỏi kinh nghiệm, được góp nhặt từ những sách giáo khoa, sách tham khảo, hoạt động thực tế trải nghiệm tại nhà trường THCS Trần Phú, tham khảo từ một số trường bạn, mạng internet,... là những gì chúng tôi ghi lại được vào sổ tay nên không tránh khỏi thiếu sót hoặc trùng lặp. Rất mong được sự góp ý của các anh chị em đồng nghiệp để chúng tôi có thêm chút kinh nghiệm bổ sung vào hành trang trên con đường giảng dạy, công tác quản lí của mình và ngày càng hoàn thiện hơn trong sự nghiệp trồng người.

Trân trọng cảm ơn!

Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nhóm tác giả

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Sách giáo khoa sinh học 9*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Sách giáo viên sinh học 9*, NXB Giáo dục.

3. Nguyễn Văn Biên (Tổng chủ biên) (2019) *Phát triển năng lực trong môn sinh học lớp 9*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. ThS Nguyễn Trọng Sửu CVC – Vụ Giáo dục Trung học, *Một số kinh nghiệm tổ chức hoạt động học trên lớp trong dạy học cấp trung học*.

5. Tham khảo mạng *internet.*

V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng 1: Bảng khảo sát dạy học phát triển năng lực của GV môn Sinh học trong nhà trường.

Nội dung khảo sát	Số GV khảo sát	Tỉ lệ %
1. Thực hiện vận dụng dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	**3**	**100**
- Có	3	100
- Không		
2. Cơ sở tiến hành dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	**3**	**100**
- Xuất phát từ nội dung bài học	1	33,33
- Từ nội dung liên quan đến nội dung bài	1	33,33
- Từ các nội dung liên quan đến tên bài		
- Từ nguồn khác	1	33,33
3. Mục tiêu của việc dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	**3**	**100**
- Kiểm kê kiến thức của học sinh	0	0
- Tạo ra hứng thú cho học sinh	1	33,3
- Tạo ra "tình huống có vấn đề" để vào bài	2	66,7
4. Hình thức dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	**3**	**100**
- Tổ chức thành hoạt động	1	33,3
- Dẫn dắt	2	66,7
- Khác	0	0
5. Người thực hiện dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh		
- Giáo viên	0	0
- Học sinh	2	66,7
- Giáo viên và học sinh	1	33,3
6. Mức độ thu hút HS trong dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	**3**	**100**

- Mức độ cao	1	33,33
- Mức độ TB	1	33,33
- Mức độ thấp	1	33,33
7. Hiệu quả của dạy học phát triển năng lực và phẩm chất học sinh	3	**100 %**
- Hiệu quả cao	3	100
- Hiệu quả trung bình		
- Hiệu quả thấp.		

Phụ lục 2: Đề kiểm tra khảo sát chất lượng đầu năm

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

Câu 1. Hiện tượng di truyền là:

A. hiện tượng các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên được truyền đạt cho các thế hệ con cháu.

B. hiện tượng các tính trạng của cơ thể được sao chép qua các thế hệ

C. hiện tượng bố mẹ sinh ra con cái mang những đặc điểm giống mình

D. hiện tượng bố mẹ truyền đạt vật chất di truyền cho con cái

Câu 2. Khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng và khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì đời con lai F_2 phân tính vì:

A. tính trạng trội át tính trạng lặn. B. gen trội át hoàn toàn gen lặn.

C. F_2 có cả kiểu gen đồng hợp trội và lặn; D. cả B và C

Câu 3: Phép lai nào trong các phép lai sau đây cho tỉ lệ phân tính là 1:1?

A. AA x Aa; B. Aa x aa; C. Aa x Aa; D. AA x aa.

Câu 4. Chọn từ, cụm từ phù hợp trong số các từ, cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống trong câu sau: Hiện tượng đồng tính ở F_1 cùng có một ……(1)….. Hiện tượng phân tính ở F_2 là hiện tượng …..(2)….

A. kiểu gen; C. tỉ lệ 3 trội : 1 lặn;

B. kiểu hình; D. cả kiểu hình trội và kiểu hình lặn.

Câu 5: Các con có đủ 4 nhóm máu thì bố mẹ có kiểu gen là

A. $I^AI^B \times I^OI^O$; B. $I^AI^O \times I^OI^O$ C. $I^BI^B \times I^AI^O$; D. $I^AI^O \times I^BI^O$

Câu 6: Chọn câu đúng, câu sai trong các câu sau:

Câu	Đúng	Sai
1. Trong trường hợp trội không hoàn toàn thì tỉ lệ phân li kiểu hình ở F_2 khi lai bố mẹ khác nhau 1 cặp tính trạng tương phản là 1 : 2 : 1.		
2. Tỉ lệ phân tính ở thế hệ lai là 3 trội : 1 lặn chỉ đúng khi số cá thể làm thí nghiệm lớn, tính trạng trội là trội hoàn toàn.		
3. Sự di truyền của mỗi cặp tính trạng không phụ thuộc vào các cặp tính trạng khác.		
4. Lai phân tích không sử dụng trong trường hợp trội không hoàn toàn.		

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**		**5**	**6**			
Đáp án	**A**	**C**	**B**	**A**	**C**	**D**	**Đ**	**Đ**	**S**	**Đ**

***Phụ lục 3:** Bảng 3: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9B đầu năm học 2022-2023*

Nội dung khảo sát	Số HS khảo sát	Tỉ lệ %
1. Em có học bài và chuẩn bị bài trước khi đến lớp không	**45**	**100**
- Có	7	15,6
- Thỉnh thoảng	35	77,8
- Không	3	6,6
2. Em có quan tâm đến hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức trong tiết học không?	**45**	**100**
- Mức độ cao	12	26,7
- Mức độ TB	27	60
- Mức độ thấp	6	13,3
3. Tìm tòi, mở rộng có giúp em định hướng được kiến thức mới cần tìm hiểu không?	**45**	**100**
- Định hướng tốt	30	66,7
- Chưa rõ ràng	9	20
- Không định hướng được	6	13,3%
4. Em có chủ động tìm hiểu kiến thức để giải quyết vấn đề đặt ra trong hoạt động học tập không?	**45**	**100**
- Có	20	44,4
- Lúc có, lúc không	17	**37,8%**
- Không	8	17,8
5. Nếu hoạt động học tập môn Sinh học tạo cho em sự tò mò, em có muốn tìm hiểu bài học để giải đáp vấn đề không?	**45**	**100**
- Có	39	86,7
- Không	6	13,3
6. Em có hứng thú khi học môn Sinh học không?	**45**	**100**
- Rất hứng thú	11	24,4

- Hứng thú ở mức độ trung bình	22	48,9
- Không hứng thú	12	26,7

***Phụ lục 4:** Bảng 4: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9D đầu năm học 2022-2023*

Nội dung khảo sát	**Số HS khảo sát**	**Tỉ lệ %**
1. Em có học bài và chuẩn bị bài trước khi đến lớp không	**43**	**100**
- Có	6	14
- Thỉnh thoảng	36	83,7
- Không	1	2,3
2. Em có quan tâm đến hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức trong tiết học không?	**43**	**100**
- Mức độ cao	8	18,6
- Mức độ TB	29	67,4
- Mức độ thấp	6	14
3. Tìm tòi, mở rộng có giúp em định hướng được kiến thức mới cần tìm hiểu không?	**43**	**100**
- Định hướng tốt	30	69,8
- Chưa rõ ràng	9	20,9
- không định hướng được	4	9,3
4. Em có chủ động tìm hiểu kiến thức để giải quyết vấn đề đặt ra trong hoạt động học tập không?	**43**	**100**
- Có	14	32,6%
- Lúc có, lúc không	20	46,5
- Không	9	20,9
5. Nếu hoạt động học tập môn Sinh học tạo cho em sự tò mò, em có muốn tìm hiểu bài học để giải đáp vấn đề không?	**43**	**100**
- Có	36	83,7
- Không	7	16,3
6. Em có hứng thú khi học môn Sinh học	**43**	**100**

không?		
- Rất hứng thú	4	9,3
- Hứng thú ở mức độ trung bình	25	58,1
- Không hứng thú	14	32,6

Phụ lục 5: Phiếu học tập:

Chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Đặc điểm của NST giới tính là:

A. Chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng

B. Có 1 đến 2 cặp trong tế bào

C. Có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng

D. Số cặp trong tế bào thay đổi tuỳ loài.

Câu 2: Trong tế bào sinh d0ưỡng của mỗi loài sinh vật thì NST giới tính:

A. Luôn luôn là một cặp tương đồng.

B. Luôn luôn là một cặp không tương đồng.

C. Là một cặp tương đồng hay không tương đồng tuỳ thuộc vào giới tính.

D. Có nhiều cặp, đều không tương đồng.

Câu 3: Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là:

A. Luôn giống nhau giữa cá thể đực và cá thể cái.

B. Đều chỉ có một cặp trong tế bào 2n.

C. Đều là cặp XX ở giới cái.

D. Đều là cặp XY ở giới đực.

Câu 4: Loài dưới đây có cặp NST giới tính XX ở giới đực và XY ở giới cái là:

A. Người.

B. Ruồi giấm.

C. Động vật có vú.

D. Các động vật thuộc lớp Chim.

Phụ lục 6: Bảng 6: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9B cuối học kì 1 học 2022-2023.

Nội dung khảo sát	Số HS khảo sát	Tỉ lệ %
1. Em có học bài và chuẩn bị bài trước khi đến lớp không	**45**	**100**
- Có	34	75,6
- Thỉnh thoảng	10	22,2
- Không	1	2,2
2. Em có quan tâm đến hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức trong tiết học không?	**45**	**100**
- Mức độ cao	29	64,5
- Mức độ TB	14	31,1
- Mức độ thấp	2	4,4
3. Tìm tòi, mở rộng có giúp em định hướng được kiến thức mới cần tìm hiểu không?	**45**	**100**
- Định hướng tốt	39	86,7
- Chưa rõ ràng	5	11,1
- không định hướng được	1	2,2
4. Em có chủ động tìm hiểu kiến thức để giải quyết vấn đề đặt ra trong hoạt động học tập không?	**45**	**100**
- Có	31	68.9
- Lúc có, lúc không	13	28,9
- Không	1	2,2
5. Nếu hoạt động học tập tạo cho em sự tò mò, em có muốn tìm hiểu bài học để giải đáp vấn đề không?	**45**	**100**
- Có	44	97,8
- Không	1	2,2
6. Em có hứng thú khi học môn Sinh học không?	**45**	**100**
- Rất hứng thú	31	68.9
- Hứng thú ở mức độ trung bình	13	28,9
- Không hứng thú	1	2,2

***Phụ lục 7:** Bảng 7: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú, tìm tòi học tập môn sinh học của học sinh lớp 9D cuối học kì 1 học 2022-202).*

Nội dung khảo sát	Số HS khảo sát	Tỉ lệ %
1. Em có học bài và chuẩn bị bài trước khi đến lớp không	**44**	**100**
- Có	9	20,5
- Thỉnh thoảng	33	75
- Không	2	4,5
2. Em có quan tâm đến hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức trong tiết học không?	**44**	**100**
- Mức độ cao	13	29,5
- Mức độ TB	27	61,4
- Mức độ thấp	4	9,1
3. Tìm tòi, mở rộng có giúp em định hướng được kiến thức mới cần tìm hiểu không?	**44**	**100**
- Định hướng tốt	33	75
- Chưa rõ ràng	8	18,2
- không định hướng được	3	6,8
4. Em có chủ động tìm hiểu kiến thức để giải quyết vấn đề đặt ra trong hoạt động học tập không?	**44**	**100**
- Có	19	43,2
- Lúc có, lúc không	22	50
- Không	3	6,8
5. Nếu hoạt động học tập tạo cho em sự tò mò, em có muốn tìm hiểu bài học để giải đáp vấn đề không?	**44**	**100**
- Có	37	84,1
- Không	7	15,9
6. Em có hứng thú khi học môn Sinh học không?	**44**	**100**
- Rất hứng thú	9	20,5
- Hứng thú ở mức độ trung bình	28	63,6
- Không hứng thú	7	15,9

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRONG DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN SINH HỌC 9 Ở TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ.

Ý KIẾN NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....